

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 30- 09- 2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Bà Bùi Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ; người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn D - Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Giang; địa chỉ: Tổ 9, đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang;

Người được ông Đặng Văn D ủy quyền lại: ông Nguyễn Đắc M - Giám đốc - Phòng giao dịch B; địa chỉ trụ sở: Tổ 3 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976 và ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1975; cùng cư trú tại: Tổ 14, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; (ông D có mặt, bà H vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1942 (Vắng mặt)

- Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng trú tại: tổ 14, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Ông Hoàng Quốc D2, sinh năm 1966 (Có mặt)

Trú tại: tổ 6, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Bà Hoàng Thị D3, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

- Bà Hoàng Thị D4, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn Tân An, xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hà Giang - Phòng giao dịch B, theo hợp đồng tín dụng số: 01/2012/HĐ ký ngày 20/7/2012 giữa Bà Phạm Thị H với Ngân hàng cụ thể như sau: Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: kinh doanh thức ăn gia súc; Lãi suất trong hạn: 15%/năm áp dụng thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng 01 lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nêu trên tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lịch trả nợ gốc: trả gốc cuối kỳ. Lịch trả nợ lãi: trả hàng tháng theo thực tế phát sinh. Để bảo đảm cho khoản vay, giữa ngân hàng và bà H, ông D có ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 19/7/2012 về việc tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất (thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, tổng diện tích 2521.9 m², địa chỉ tổ 14, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348 ngày 07/4/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00541/QSĐĐ, do UBND huyện Bắc Quang cấp cho Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp bất động sản trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 08/2012 đến tháng 07/2013 bà H, ông D đã thanh toán lãi phát sinh hàng tháng theo điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng tuy nhiên ông, bà thường xuyên đề nợ quá hạn đến cuối tháng, qua tháng mới trả. Đến hạn trả gốc ngày 20/7/2013 bà H, ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 01/10/2013 bà H, ông D đã thanh toán gốc 15.864.000đ và lãi phát sinh, ngày 26/05/2014 ông bà đã thanh toán gốc 15.000.000đ; ngày 14/7/2014 thanh toán gốc 2.000.000đ; ngày 03/9/2014 thanh toán gốc 5.000.000đ; ngày 01/10/2014 thanh toán gốc 2.136.000đ và một phần lãi quá hạn; ngày 11/5/2015 thanh toán gốc 20.000.000đ; 15/12/2016 thanh toán gốc 10.000.000đ; 28/02/2017 thanh toán gốc 10.000.000đ; 05/4/2017 thanh toán gốc 20.000.000đ; 25/4/2017 thanh toán gốc 10.000.000đ; 29/6/2017 thanh toán gốc 10.000.000đ; 31/8/2018 thanh toán gốc 46.000.000đ; 05/9/2018 thanh toán

gốc 9.800.000đ. Như vậy, bà H và ông D đã thanh toán được 175.800.000đ tiền gốc. Kể từ ngày 05/9/2018 cho đến nay bà H, ông D không phối hợp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn, giấy mời làm việc, biên bản làm việc tuy nhiên bà H, ông D nhiều lần vi phạm các biên bản làm việc thống nhất trả nợ, cam kết trả nợ của khách hàng. Tạm tính đến ngày 30/9/2021, Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 324.200.000đ, lãi trong hạn là 395.503.456đ, lãi chậm trả gốc là 186.348.891đ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Hà Giang toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tổng cộng là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*).

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3. Trong trường hợp Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nói trên, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Hà Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện B kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ lập ngày 19/7/2012 để thu hồi nợ, cụ thể: tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348 ngày 07/4/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00541/QSĐĐ, cho người sử dụng đất ông Hoàng Quốc D, Bà Phạm Thị H và tài sản gắn liền với đất.

4. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đề nghị Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Phạm Thị H trình bày: bà có được vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ Hà Giang - PGD B, chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ, số CIF: 4199601, lập ngày 20/7/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ, 19/7/2012 là của bà. Đối với giấy đề nghị vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản có chữ ký của anh Hoàng Quốc D. Mục đích vay Ngân hàng để làm ăn kinh doanh, nhằm sinh lãi phục vụ chi tiêu sinh hoạt cho cả gia đình, nuôi dạy con cái, nhưng trong quá trình kinh doanh gặp rủi ro nên không có lãi. Việc kinh doanh do một mình bà H đứng ra kinh doanh ông D không tham gia nhưng việc vay vốn, mục đích kinh doanh có lãi để phục vụ gia đình, ông D biết và nhất trí, nên bà H nhất trí việc Ngân hàng khởi kiện cả hai vợ chồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền gốc và số tiền lãi cùng các yêu cầu khác của Ngân hàng bà H thấy là đúng, tuy nhiên do bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà đề nghị Ngân hàng cho bà xin số tiền lãi, chỉ tính số tiền gốc và cho bà được trả dần theo tháng. Về việc Ngân hàng

yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ lập ngày 19/7/2012 bà H không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Quốc D trình bày: Năm 2012 vợ chồng ông có được vay tiền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Giang - PGD B, do vợ ông là Bà Phạm Thị H đứng ra vay số tiền 500.000.000^d (năm trăm triệu đồng) có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 14 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông có được ký tên vào giấy đề nghị vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản, còn Hợp đồng tín dụng là do vợ ông ký tên. Mục đích vay Ngân hàng là để làm ăn kinh doanh cụ thể kinh doanh thức ăn gia súc. Trước khi kinh doanh hai vợ chồng có bàn bạc kinh doanh thức ăn gia súc để lấy lãi phục vụ sinh hoạt gia đình, nuôi dưỡng con chung. Do công việc của ông bận nên việc kinh doanh là do Bà Phạm Thị H đứng ra kinh doanh, ông không tham gia. Việc vợ ông vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Giang - PGD B có bàn bạc và được sự nhất trí của ông. Do đó hiện nay Ngân hàng khởi kiện cả hai vợ chồng, trong đó ông có trách nhiệm đồng trả nợ cùng vợ thì ông nhất trí. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền gốc và số tiền lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày vợ chồng ông thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, ông thừa nhận yêu cầu khởi kiện này là đúng, tuy nhiên do việc làm ăn kinh doanh của vợ chồng ông gặp rủi ro nên ông đề nghị với Ngân hàng là cho vợ chồng ông trả dần tiền gốc 324.200.000đ còn tiền lãi không tính nữa. Về việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 19/7/2012, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Giang - PGD B ông D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì tài sản trên không phải của riêng hai vợ chồng ông mà còn có phần của bố mẹ đẻ ông D. Các bị đơn đều không có yêu cầu phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh đã xác định được tài sản mà vợ chồng bà H đang thế chấp ngân hàng đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện B kê biên, bán đấu giá để đảm bảo việc thi hành án cho người được thi hành án bà Nguyễn Thị Phi Y. Tuy nhiên, sau đó trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ra quyết định thu hồi một phần quyết định cưỡng chế kê biên của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, các khoản thu hồi gồm: kê biên quyền sử dụng đất của Bà Phạm Thị H tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348 ngày 07/4/2009 cho ông Hoàng Quốc D và Bà Phạm Thị H và tài sản gắn liền với đất.

Tại quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án; quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/10/2017; quyết định sửa

chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 16/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã quyết định:

- Chị Phạm Thị H được hưởng 2/6; anh Hoàng Quốc D được hưởng 3/6; ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/6 giá trị quyền sử dụng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, ngày 07 tháng 4 năm 2009, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và Chị Phạm Thị H.

.....
- Chị Phạm Thị H, anh Hoàng Quốc D mỗi người được hưởng 2/6; Ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 2/6 giá trị tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất gồm: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m²;

.....
- Chị Phạm Thị H được hưởng 2/5, anh Hoàng Quốc D được hưởng 2/5, ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/5 năm giá trị gian nhà tạm, tổng diện tích khoảng 600 m².”

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B có đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định giải quyết việc dân sự nói trên nhưng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều thông báo không có căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm.

Ông Hoàng Tiến S đã mất vào năm 2019 không để lại di chúc nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đưa Bà Nguyễn Thị V và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Sỹ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, Ông Hoàng Quốc D2, ông Hoàng Quốc D, bà Hoàng Thị D3, bà Hoàng Thị D4 không có ý kiến gì đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không có yêu cầu độc lập, chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo luật định. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; bị đơn Phạm Thị Hương không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 342, Điều 343, Điều 350, Điều 355, Điều

471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc buộc Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hà Giang- PGD B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 30/9/2021 với tổng số tiền là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ gốc này, Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Hà Giang, PGD B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ lập ngày 19/7/2012 đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí: các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật và phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh giữa Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, với Bà Phạm Thị H là cá nhân có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng cho vay thể hiện mục đích vay nhằm kinh doanh thức ăn gia súc nên tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Các bị đơn có địa chỉ tại huyện B. Tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng ghi rõ nếu có tranh chấp thì sẽ đưa ra Tòa án huyện Bắc Quang để giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều

35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đắc M, bị đơn ông Hoàng Quốc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hoàng Quốc D2 có mặt tại phiên tòa. Bị đơn Bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị D4 và chị Hoàng Thị D3 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Phạm Thị H, Bà Nguyễn Thị V, chị Hoàng Thị D4, chị Hoàng Thị D3.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn là Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 30/9/2021) tổng cộng là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 324.200.000đ, lãi trong hạn là 395.503.456 đ, lãi chậm trả gốc là 186.348.891 đ. Đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử đánh giá như sau: hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ 20/7/2012 được ký kết giữa Bà Phạm Thị H và Ngân hàng là đúng về chủ thể, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ...phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng), Bà Phạm Thị H đã ký xác nhận bằng kê rút vốn. Ông Hoàng Quốc D và Bà Phạm Thị H là vợ chồng hợp pháp, ông D không cùng ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, tuy nhiên ông D thừa nhận có được ký tên vào giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng, việc bà H vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ - PGD B có bàn bạc và được sự nhất trí của ông, mục đích vay là để kinh doanh nhằm lấy lãi phục vụ sinh hoạt gia đình, nuôi dưỡng con chung, ông D nhất trí việc Ngân hàng khởi kiện cả hai vợ chồng ông. Do đó, đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng bà H và ông D.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Theo lịch trả nợ và sao kê tài khoản của bà H được in từ hệ thống do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 08/2012 đến tháng 07/2013 bà H đã thanh toán lãi phát sinh hàng tháng theo điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng tuy nhiên thường xuyên để nợ lãi quá hạn đến cuối tháng, qua tháng mới trả. Đến hạn trả gốc ngày 20/7/2013 bà H, ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng. Từ đó đến ngày 05/9/2018, bà H đã thanh toán được 175.800.000đ tiền gốc. Về tiền lãi, bà H đã trả được 103.423.611đ, trong đó lãi trong hạn bà H đã trả là 85.340.238đ, lãi chậm trả gốc bà H đã trả là 18.083.373đ (theo bảng tính toán lãi Ngân hàng đã nộp cho Tòa án). Kể từ ngày

05/9/2018 cho đến nay bà H không phối hợp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn, giấy mời làm việc, biên bản làm việc tuy nhiên bà H nhiều lần vi phạm các biên bản làm việc thống nhất trả nợ, cam kết trả nợ của khách hàng. Do đó Ngân hàng có quyền khởi kiện bên vay theo quy định trong nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 30/9/2021, Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 324.200.000đ, lãi trong hạn là 395.503.456 đồng, lãi chậm trả gốc là 186.348.891 đồng. Xét việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận đã ký kết đồng thời phù hợp với các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông D đã thừa nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền gốc và số tiền lãi là đúng, tuy nhiên do ông, bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà H, ông D đề nghị với Ngân hàng cho các bị đơn trả dần tiền gốc 324.200.000đ còn tiền lãi không tính nữa, tuy nhiên Ngân hàng không nhất trí với đề nghị của các bị đơn. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà H, ông D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hà Giang số tiền 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó, nợ gốc là 324.200.000đ, lãi trong hạn là 395.503.456 đồng, lãi chậm trả gốc là 186.348.891 đồng, là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Hà Giang số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*), đồng thời tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng cho đến ngày Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D thực tế thanh toán hết nợ.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Hà Giang được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp các bị đơn không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử đánh giá như sau: giữa Ngân hàng và vợ chồng Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D đã tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 19/7/2012 về việc tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất (thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, tổng diện tích 2521.9 m², địa chỉ tổ 14, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348 số vào sổ H 00541/QSDĐ cấp ngày 07/4/2009 do UBND huyện Bắc Quang cấp cho Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp bất động sản trên đã được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện Bắc Quang và đăng ký việc thế chấp quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Quang theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp theo luật định. Tại hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên quy định trường hợp bên thế

chấp đầu tư vào tài sản thế chấp thì phần tài sản tăng thêm do đầu tư cũng thuộc tài sản thế chấp.

Tại quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án; quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/10/2017; quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm (lần thứ 2) số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 16/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã quyết định:

- Chị Phạm Thị H được hưởng 2/6; anh Hoàng Quốc D được hưởng 3/6; ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/6 giá trị quyền sử dụng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, ngày 07 tháng 4 năm 2009, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và Chị Phạm Thị H.

.....
- Chị Phạm Thị H, anh Hoàng Quốc D mỗi người được hưởng 2/6; Ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 2/6 giá trị tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất gồm: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m²;

.....
- Chị Phạm Thị H được hưởng 2/5, anh Hoàng Quốc D được hưởng 2/5, ông Hoàng Tiến S và Bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/5 năm giá trị gian nhà tạm, tổng diện tích khoảng 600 m².”

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B có đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định giải quyết việc dân sự nói trên nhưng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều thông báo không có căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm. Do đó quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án; và các quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang có hiệu lực pháp luật. Điều 19 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”.

Do đó căn cứ Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 19 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cần tuyên trong trường hợp Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Bà Phạm Thị H, ông Hoàng

Quốc D trong khối tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ lập ngày 19/7/2012, để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, ngày 07/4/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00541/QSĐĐ cho người sử dụng đất ông Hoàng Quốc D, Bà Phạm Thị H và tài sản gắn liền với đất. Phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D được xác định theo quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án; quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/10/2017 và quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm (lần thứ 2) số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng: Các bị đơn phải chịu án phí theo luật định do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Về chi phí xem xét thẩm định, theo quy định tại hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết thì bên vay phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định. Do đó buộc các bị đơn phải chịu là 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định. Số tiền trên đã được Ngân hàng tạm ứng và đã chi phí hết nên Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải hoàn trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 19 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: buộc Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Hà Giang tính đến hết ngày 30/9/2021 tổng số tiền là 906.052.347 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 324.200.000đ, nợ lãi trong hạn là 395.503.456 đồng, nợ lãi chậm trả gốc là 186.348.891 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên, Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 20/7/2012.

2. Trường hợp Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Hà Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D trong khối tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ lập ngày 19/7/2012, để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348 ngày 07/4/2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00541/QSDĐ cho người sử dụng đất ông Hoàng Quốc D, Bà Phạm Thị H và tài sản gắn liền với đất. Phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Bà Phạm Thị H, ông Hoàng Quốc D được xác định theo quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST ngày 29/9/2017, V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án; quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/10/2017 và quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm (lần thứ 2) số 02/QĐ-SCBSQĐ ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.181.570^d (*Ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi đồng*). Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.754.956^d (*Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0001286 ngày 19 tháng 11 năm 2020.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Quốc D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Hà Giang chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, ông Hoàng Quốc D, Ông Hoàng Quốc D2 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Phạm Thị H, Bà Nguyễn Thị V, bà Hoàng Thị D4, bà Hoàng Thị D3 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

